

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP  
NGHỀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA - LẮP RÁP MÁY TÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 538c/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 30/07/2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)*

**Tên ngành, nghề: Kỹ thuật Sửa chữa - Lắp ráp máy tính**

**Mã ngành, nghề: 5480102**

**Trình độ đào tạo: Trung cấp**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2,0 năm. Trong đó:

**(\* Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:**

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

**(\* Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:**

- Thời gian học tập chuyên môn: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa THPT: Theo chương trình qui định của Bộ GDĐT (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo kỹ thuật viên kỹ thuật máy tính trình độ trung cấp có kiến thức cơ bản về lĩnh vực kỹ thuật sửa chữa – lắp ráp máy tính, công nghệ thông tin, có kỹ năng chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có ý thức rèn luyện, tổ chức kỷ luật tốt, có tác phong công nghiệp, có khả năng thích ứng với sự phát triển của công nghệ và môi trường công việc để đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

**- Kiến thức:**

- + Nắm được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản, mạng máy tính ...
- + Hiểu được cấu trúc máy tính, các mạch cấu tạo, các thành phần bên trong máy tính
- + Hiểu được thông số kỹ thuật của các thành phần trong máy tính
- + Nắm vững được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ; quản trị hệ thống mạng các doanh nghiệp.

+ Biết thiết kế giao diện website, quản trị nội dung website

**- Kỹ năng:**

+ Biết cài đặt các phần mềm thông dụng, cài đặt hệ điều hành và các phần mềm chuyên dụng khác.

+ Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản và nâng cao

+ Đánh giá được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị

để đưa ra giải pháp xử lý.

+ Khắc phục sự cố mạng, kết nối mạng và quản lý hệ thống mạng

+ Sửa chữa các thiết bị ngoại vi và các thiết bị văn phòng.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

+ Có sức khỏe, lòng yêu nghề, có ý thức với cộng đồng và xã hội;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng phát triển đất nước, chấp hành Hiến pháp và Pháp luật, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

+ Tuân thủ quy định về an toàn lao động khi làm việc

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và giao tiếp với đồng nghiệp

+ Có trách nhiệm trong quá trình điều hành nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với công việc của mình.

**- Chính trị, đạo đức:**

+ Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

**- Thể chất và quốc phòng:**

+ Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Kỹ thuật viên công việc quản trị sửa chữa thiết bị văn phòng.
- Kỹ thuật viên sửa chữa máy tính, điện thoại thông minh
- Thiết kế đồ họa, thiết kế quảng cáo;
- Quản trị mạng tại các doanh nghiệp
- Nhân viên kỹ thuật tại các trạm bảo hành
- Cài đặt phần mềm ứng dụng trên các thiết bị máy tính, laptop, điện thoại thông minh.
- Thiết kế hệ thống mạng và quản trị hệ thống mạng.
- Kỹ thuật viên tin học trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức doanh nghiệp.

### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ -1.413 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 243 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.170 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 474 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 862 giờ

### 3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH /MĐ	Tên môn học/module	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
					Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Thi/ KT
<b>I</b>		<b>Các môn học chung</b>						
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1
4	MIE121	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1
6	ENG131	Tiếng Anh - 1	Tích hợp	4	80	40	36	4
		<i>Tổng (I)</i>		<b>12</b>	<b>245</b>	<b>112</b>	<b>122</b>	<b>11</b>
<b>II</b>		<b>Các môn học, module chuyên môn</b>						
<b>II.1</b>		<b>Các môn học, module cơ sở</b>						
7	BEL231	Điện tử cơ bản	Thực hành	3	60	30	26	4
8	CAR231	Kiến trúc máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4
9	OSW231	Hệ điều hành Windows	Thực hành	3	60	30	26	4

10	NET231	Mạng máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4
11	BPR231	Lập trình căn bản	Lý thuyết	3	60	30	26	4
12	EIE221	Thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp	Thực hành	2	90	0	90	0
		<b>Tổng (II.1)</b>		<b>17</b>	<b>390</b>	<b>150</b>	<b>220</b>	<b>20</b>
<b>II.2</b>		<b>Các môn học, module chuyên nghề</b>						
13	AAM331	Lắp ráp và bảo trì máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4
14	RPO341	Sửa chữa bộ nguồn	Tích hợp	4	90	30	54	6
15	RDO341	Đào tạo vận hành các thiết bị văn phòng	Tích hợp	4	90	15	69	6
16	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Thực hành	4	90	30	54	6
17	TRM341	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	Tích hợp	4	90	30	54	6
18	SRM341	Cài đặt và sửa chữa thiết bị di động	Tích hợp	4	90	15	69	6
19	RCO341	Sửa chữa máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6
20	PRC341	Lập trình điều khiển tự động		4	90	30	54	6
21	FGI321	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0
		<b>Tổng (II.2)</b>		<b>33</b>	<b>780</b>	<b>210</b>	<b>524</b>	<b>46</b>
		<b>Tổng (II)</b>		<b>50</b>	<b>1170</b>	<b>360</b>	<b>744</b>	<b>66</b>
		<b>Tổng cộng</b>		<b>62</b>	<b>1413</b>	<b>474</b>	<b>862</b>	<b>77</b>

**Ghi chú:**

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 61%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế: (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập trải nghiệm): 1482 giờ. (Trong đó: Giờ thực tập tốt nghiệp và thực tập trải nghiệm = 800 giờ).

- Quy định về thời lượng:

+) 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 1 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- **Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:**

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp > 10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

**4. Phân kỳ chương trình đào tạo**

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP  
NGHỀ SỬA CHỮA - LẮP RÁP MÁY TÍNH  
(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT)**

TT	Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó		HKI	HKII	HKIII	HKIV	
						LT	TH/ BT					KT
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>										
1	POL121	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG131	Tiếng Anh	Tích hợp	4	80	40	36	4		80		
		<b>Tổng (I)</b>		<b>12</b>	<b>245</b>	<b>112</b>	<b>122</b>	<b>11</b>	<b>90</b>	<b>110</b>	<b>45</b>	<b>0</b>
	<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>										
	<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>										
7	BEL231	Điện tử cơ bản	Thực hành	3	60	30	26	4		60		
8	CAR231	Kiến trúc máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4		60		
9	OSW231	Hệ điều hành Windows	Thực hành	3	60	30	26	4		60		
10	NET231	Mạng máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
11	BPR231	Lập trình căn bản	Lý thuyết	3	60	30	26	4		60		
12	EIE221	Thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp	Thực hành	2	90	0	90	0	90			
		<b>Tổng (II.1)</b>		<b>17</b>	<b>390</b>	<b>150</b>	<b>220</b>	<b>20</b>	<b>150</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

	<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên nghệ</b>											
13	AAM331	Lắp ráp và bảo trì máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4		60			
14	RPO341	Sửa chữa bộ nguồn	Tích hợp	4	90	30	54	6			90		
15	RDO341	Đào tạo vận hành các thiết bị văn phòng	Tích hợp	4	90	15	69	6			90		
16	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Thực hành	4	90	30	54	6			90		
17	TRM341	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	Tích hợp	4	90	30	54	6			90		
18	SRM341	Cài đặt và sửa chữa thiết bị di động	Tích hợp	4	90	15	69	6				90	
19	RCO341	Sửa chữa máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6				90	
20	PRC341	Lập trình điều khiển tự động		4	90	30	54	6				90	
22	FGI321	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0				90	
		<b>Tổng (II.2)</b>		<b>33</b>	<b>780</b>	<b>210</b>	<b>524</b>	<b>46</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	
		<b>Tổng (II)</b>		<b>50</b>	<b>1170</b>	<b>360</b>	<b>744</b>	<b>66</b>	<b>150</b>	<b>300</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>62</b>	<b>1413</b>	<b>474</b>	<b>862</b>	<b>77</b>	<b>240</b>	<b>408</b>	<b>405</b>	<b>360</b>	

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP**  
**NGHỀ SỬA CHỮA - LẮP RÁP MÁY TÍNH**  
*(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS)*

TT	Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
						LT	TH/ BT	KT				
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>										
1	POL121	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF111	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG131	Tiếng Anh	Tích hợp	4	80	40	36	4		80		
		<b>Tổng (I)</b>		<b>12</b>	<b>245</b>	<b>112</b>	<b>122</b>	<b>11</b>	<b>90</b>	<b>110</b>	<b>45</b>	<b>0</b>
	<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>										
	<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>										
7	BEL231	Điện tử cơ bản	Thực hành	3	60	30	26	4	60			
8	CAR231	Kiến trúc máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
9	OSW231	Hệ điều hành Windows	Thực hành	3	60	30	26	4	60			
10	NET231	Mạng máy tính	Lý thuyết	3	60	30	26	4	60			
11	BPR231	Lập trình căn bản	Lý thuyết	3	60	30	26	4		60		
		<b>Tổng (II.1)</b>		<b>15</b>	<b>300</b>	<b>150</b>	<b>130</b>	<b>20</b>	<b>240</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

	<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên nghề</b>											
13	AAM331	Lắp ráp và bảo trì máy tính	Thực hành	3	60	30	26	4		60			
14	RPO341	Sửa chữa bộ nguồn	Tích hợp	4	90	30	54	6		90			
15	RDO341	Đào tạo vận hành các thiết bị văn phòng	Tích hợp	4	90	15	69	6			90		
16	NAS341	Quản trị hệ thống mạng máy tính	Thực hành	4	90	30	54	6			90		
17	TRM341	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	Tích hợp	4	90	30	54	6			90		
18	SRM341	Cài đặt và sửa chữa thiết bị di động	Tích hợp	4	90	15	69	6				90	
19	RCO341	Sửa chữa máy tính	Tích hợp	4	90	30	54	6				90	
20	PRC341	Lập trình điều khiển tự động		4	90	30	54	6				90	
		<b>Tổng (II.2)</b>		<b>31</b>	<b>690</b>	<b>210</b>	<b>434</b>	<b>46</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>270</b>	<b>270</b>	
		<b>Tổng (II)</b>		<b>48</b>	<b>1080</b>	<b>360</b>	<b>654</b>	<b>66</b>	<b>240</b>	<b>210</b>	<b>270</b>	<b>270</b>	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>58</b>	<b>1233</b>	<b>474</b>	<b>682</b>	<b>77</b>	<b>330</b>	<b>320</b>	<b>315</b>	<b>270</b>	



## 5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

**Phương thức tổ chức đào tạo:** Chương trình đào tạo của nghề Sửa chữa – Lắp ráp máy tính được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

### 5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

### 5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Đề sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

### 5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 18/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 235*).

#### **5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp**

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 235.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**TS. Ngô Xuân Hoàng**